TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 59/2022/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 08 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T1, tỉnh T2.

- Bị đơn: Anh Rơ Châm K, sinh năm 1990; địa chỉ: 321 Q, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái Đ1 đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị L và anh Rơ Châm K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L và anh Rơ Châm K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh K công nhận có 01 con chung tên: Rơ Châm Đinh Đ1, sinh ngày 04/7/2012.

Theo nguyện vọng của con, chị L và anh K thỏa thuận giao cháu Đ1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị L và anh K đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đinh Thị L tự nguyện chịu hết 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006761 ngày 30/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Hoàn trả lại cho chị L 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời h iệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND TT C;
- CCTHADS huyện Đ
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN